|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: 03/2014/TT-BKHĐT | *Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2014* |

**THÔNG TƯ**

HƯỚNG DẪN VỀ ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BKHĐT ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác xã;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã,*

**Chương 1.**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Thông tư này hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Đối tượng áp dụng của Thông tư này được thực hiện theo Điều 2 của Luật Hợp tác xã.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã* là văn bản viết hoặc bản điện tử mà cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi lại những thông tin về đăng ký hợp tác xã, đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được hợp tác xã đăng ký.

2. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật và được kê khai đầy đủ.

3. *Bản sao hợp lệ* là những giấy tờ đã được chứng thực hoặc sao y bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

4. *Địa điểm kinh doanh* là nơi tiến hành các hoạt động kinh doanh của hợp tác xã.

**Điều 3. Cơ quan đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh**

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã đăng ký tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

**Điều 4. Ủy quyền thực hiện đăng ký hợp tác xã**

Trường hợp người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, nhận kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hợp tác xã thì phải có giấy tờ sau:

1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc

2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh**

1. Việc mã hóa ngành, nghề đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chỉ có ý nghĩa trong công tác thống kê. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh trong đăng ký hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

Căn cứ vào Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, hợp tác xã tự lựa chọn ngành, nghề kinh doanh cấp 4 và ghi mã ngành, nghề kinh doanh vào giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã. Cơ quan đăng ký hợp tác xã đối chiếu và ghi ngành, nghề kinh doanh, mã số ngành, nghề kinh doanh vào giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

2. Đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

3. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản pháp luật khác thì cơ quan đăng ký hợp tác xã xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh này vào giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nếu không thuộc ngành, nghề cấm kinh doanh, đồng thời báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để xem xét bổ sung mã mới.

**Chương 2.**

**ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

**Điều 6. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ**

1. Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký hợp tác xã:

a) Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

Trường hợp được ủy quyền thì yêu cầu nộp thêm các giấy tờ quy định tại Điều 4 Thông tư này.

b) Nếu hồ sơ hợp lệ thì cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi giấy biên nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục II-1 và trao cho người nộp hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan đăng ký hợp tác xã yêu cầu người đến làm thủ tục bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Cơ quan đăng ký hợp tác xã không được yêu cầu hợp tác xã nộp thêm bất kỳ giấy tờ nào khác ngoài các giấy tờ được pháp luật quy định. Hợp tác xã phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực về những nội dung đã kê khai trong hồ sơ.

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc xử lý hồ sơ trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**Điều 7. Đăng ký thành lập hợp tác xã**

1. Khi thành lập hợp tác xã, hợp tác xã gửi tới cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở chính 01 bộ hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1;

b) Điều lệ của hợp tác xã được xây dựng theo Điều 21 Luật Hợp tác xã;

c) Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2;

d) Danh sách thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3;

đ) Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4;

e) Nghị quyết của hội nghị thành lập về những nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Hợp tác xã đã được biểu quyết thông qua.

2. Nếu hợp tác xã đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Hợp tác xã có tư cách pháp nhân, có quyền hoạt động theo nội dung trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký, hợp tác xã được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

**Điều 8. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

1. Khi thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã gửi tới cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh 01 bộ hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, gồm:

a) Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-5;

b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

c) Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

d) Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

đ) Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

e) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với chi nhánh hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

2. Nếu ngành, nghề, nội dung hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với ngành, nghề hoạt động của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, đồng thời bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

3. Trường hợp hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

4. Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp giấy chứng nhận mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

**Điều 9. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh**

1. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-3; giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-4; giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-5; giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-6.

2. Mẫu giấy in giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thống nhất với mẫu giấy in giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Mẫu bìa của giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã có nền màu đỏ, chữ màu vàng và có nội dung được quy định theo Phụ lục III-3.

3. Mẫu bìa của giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chỉ áp dụng đối với các trường hợp thành lập mới hoặc thay đổi nội dung đăng ký sau khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**Điều 10. Ghi số giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

1. Ghi số giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được tiến hành như sau:

a) Cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi số trên giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo cấu trúc sau:

- Mã cấp tỉnh: 02 ký tự, theo Phụ lục III-2 kèm theo Thông tư này;

- Mã cấp huyện: 02 ký tự, theo Phụ lục III-2 kèm theo Thông tư này;

- Mã số hình thức tổ chức: 0 là trụ sở chính, 1 là chi nhánh, 2 là văn phòng đại diện; 3 là địa điểm kinh doanh;

- Mã loại hình: 01 ký tự, 7 = hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Số thứ tự hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: 06 ký tự, từ 000001 đến 999999.

Liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đăng ký ở cơ quan đăng ký cấp tỉnh thì không ghi mã cấp huyện.

b) Các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được thành lập mới sau ngày ban hành Thông tư này được chèn số thứ tự tiếp theo.

c) Trường hợp tách quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau ngày ban hành Thông tư này, đơn vị bị tách giữ nguyên số thứ tự cũ và đơn vị được tách được chèn số thứ tự tiếp theo.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư mã mới của cấp huyện được thành lập mới.

2. Ví dụ về ghi số giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh như sau:

a) Liên hiệp hợp tác xã có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội, đăng ký tại cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh có số Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp lác xã là: 0107000002 (Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã cấp cho liên hiệp hợp tác xã thứ 2 có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp);

b) Hợp tác xã có trụ sở chính tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, đăng ký tại cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện có số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã là: 010107000003 (Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp cho hợp tác xã thứ 3 có trụ sở chính tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, do Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Ba Đình cấp);

c) Liên hiệp hợp tác xã có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng, chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh của liên hiệp hợp tác xã có số Giấy chứng nhận đăng ký của chi nhánh là: 4117000004 (Giấy chứng nhận đăng ký cấp cho chi nhánh thứ 4 của liên hiệp hợp tác xã đặt tại thành phố Hồ Chí Minh do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp);

d) Hợp tác xã có trụ sở chính tại thành phố Cần Thơ, văn phòng đại diện của hợp tác xã đặt tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội có số Giấy chứng nhận đăng ký của văn phòng đại diện là: 010127000005 (Giấy chứng nhận đăng ký cấp cho văn phòng đại diện thứ 5 của hợp tác xã đặt tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Ba Đình cấp).

3. Việc ghi số giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chỉ áp dụng đối với các trường hợp thành lập mới hoặc thay đổi nội dung đăng ký sau khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**Điều 11. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

1. Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện thì hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới.

Hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7;

b) Nghị quyết của hội đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã và cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã. Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

Nếu không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký thì hợp tác xã đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã cấp mới cho hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi trước đây hợp tác xã đăng ký trụ sở cũ.

Hợp tác xã thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật bị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì trưởng ban kiểm soát của hợp tác xã ký, ghi họ tên trong giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

4. Trường hợp cùng một thời điểm, thay đổi nhiều nội dung, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện đăng ký một lần những thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã.

**Điều 12. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

1. Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới.

Hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-8;

b) Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã;

c) Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện;

d) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân đối với việc thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh hợp tác xã mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã và cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho hợp tác xã. Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

Nếu không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã cấp mới cho hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi trước đây hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới, hợp tác xã phải:

a) Thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã đối với các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã tại cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

b) Thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 đối với các trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện; tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có trụ sở khác với huyện hoặc tỉnh, thành phố với trụ sở chính của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, của hợp tác xã.

**Điều 13. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi nội dung điều lệ, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên thì hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Kèm theo thông báo là nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

2. Khi nhận thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã trao giấy biên nhận và bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

**Điều 14. Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã**

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp thì hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Kèm theo thông báo phải có nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã.

2. Khi nhận thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã trao giấy biên nhận và bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

**Điều 15. Tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

1. Khi tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, hợp tác xã gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I-11 đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng hoạt động.

Kèm theo thông báo là nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

2. Khi nhận thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã trao giấy biên nhận và lưu vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã để theo dõi.

3. Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu vẫn tiếp tục tạm ngừng hoạt động thì hợp tác xã phải thông báo tiếp cho cơ quan đăng ký hợp tác xã. Tổng thời gian tạm ngừng hoạt động liên tiếp không được quá một năm.

**Điều 16. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

1. Khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I-12 đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã.

Kèm theo thông báo là 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

b) Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, địa điểm kinh doanh;

c) Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã ra xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-7. Khi nhận giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Nếu không thực hiện xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

2. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-6 cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

3. Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-6 cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

**Điều 17. Giải thể tự nguyện hợp tác xã**

1. Trước khi thực hiện thủ tục đăng ký giải thể tự nguyện hợp tác xã, hợp tác xã phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

2. Khi giải thể tự nguyện, hợp tác xã gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-13 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Kèm theo thông báo là 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể hợp tác xã;

b) Biên bản hoàn thành việc giải thể hợp tác xã;

c) Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của hợp tác xã;

d) Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã;

đ) Giấy xác nhận của cơ quan đăng ký hợp tác xã về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

e) Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã.

3. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã ra xác nhận về việc giải thể của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-8 và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-10. Khi nhận giấy xác nhận về việc giải thể hợp tác xã và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Nếu không thực hiện đăng ký giải thể cho hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

**Điều 18. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

1. Khi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị mất hoặc bị hư hỏng, hợp tác xã gửi tới cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-14, giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-15.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận giấy đề nghị, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho hợp tác xã. Trong trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng, khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

Nếu không thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

3. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông báo yêu cầu hợp tác xã hoàn chỉnh và nộp hồ sơ theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại giấy chứng nhận đăng ký.

4. Hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đổi sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

5. Trường hợp hợp tác xã có nhu cầu đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nhưng không thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã nộp giấy đề nghị cấp đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-17 kèm theo bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để được cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 5 ngày làm việc. Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

**Điều 19. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

1. Trường hợp hợp tác xã giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, cơ quan đăng ký hợp tác xã ra thông báo và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

2. Trường hợp cơ quan đăng ký hợp tác xã phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã là không trung thực, không chính xác:

Nếu cơ quan đăng ký hợp tác xã phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã là không trung thực, không chính xác thì ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Nếu cơ quan đăng ký hợp tác xã phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã là không trung thực, không chính xác thì ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã và hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký được thực hiện trên cơ sở các thông tin không trung thực, không chính xác và khôi phục lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp hợp tác xã lợi dụng danh nghĩa hợp tác xã để hoạt động trái pháp luật; hoạt động trong các ngành, nghề mà pháp luật cấm; hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 01 năm, kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký; chuyển trụ sở chính sang địa phương khác với nơi đăng ký trong thời hạn 01 năm mà không đăng ký, thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến trụ sở của cơ quan đăng ký để giải trình. Sau mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp thì cơ quan đăng ký hợp tác xã ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

4. Trước khi ra thông báo về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trong trường hợp cần thiết, cơ quan đăng ký hợp tác xã có thể mời các cơ quan có liên quan như cơ quan thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, sở quản lý ngành,… tham dự cuộc họp liên ngành để xác định hành vi vi phạm của hợp tác xã.

**Điều 20. Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã**

1. Khi thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải gửi tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã 01 bộ hồ sơ, gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-16;

b) Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ về việc đăng ký thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã đã cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã bàn giao đầy đủ bộ hồ sơ đăng ký cho hợp tác xã và lưu giữ một bản sao bộ hồ sơ đó tại cơ quan đăng ký hợp tác xã. Khi bàn giao hồ sơ cho hợp tác xã, phải có giấy biên nhận có chữ ký của người trao, người nhận hồ sơ; toàn bộ hồ sơ được niêm phong và được giao cho người nhận.

Trường hợp không bàn giao bộ hồ sơ đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải tiến hành đăng ký thay đổi nơi đăng ký hợp tác xã tại cơ quan đăng ký hợp tác xã mới. Hợp tác xã phải nộp cho cơ quan đăng ký hợp tác xã mới bộ hồ sơ đã được cơ quan đăng ký hợp tác xã cũ bàn giao kèm theo các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc thay đổi và cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã. Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã được cấp trước đó.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

**Điều 21. Đăng ký hợp tác xã đối với hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập**

1. Hợp tác xã mới được thành lập trên cơ sở chia, được tách, hợp nhất tiến hành thủ tục thành lập tương tự như đối với đăng ký thành lập mới hợp tác xã. Hồ sơ đăng ký phải kèm theo nghị quyết của đại hội thành viên về việc chia, tách, hợp nhất hợp tác xã.

2. Hợp tác xã thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp tác xã bị tách thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

**Điều 22. Quy định về việc đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn**

Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện có trách nhiệm rà soát, chống đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn của các hợp tác xã trong phạm vi huyện. Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, chống đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn của các liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trong phạm vi tỉnh.

**Điều 23. Quyền khiếu nại của hợp tác xã**

Hợp tác xã có quyền khiếu nại tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành trong trường hợp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc không được đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã mà không có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ của cơ quan đăng ký hợp tác xã.

**Chương 3.**

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ**

**Điều 24. Chế độ thông tin báo cáo của cơ quan đăng ký hợp tác xã**

1. Định kỳ vào tuần thứ nhất của tháng cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký hợp tác xã của tháng trước trên địa bàn huyện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-11 gửi cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh.

2. Định kỳ vào tuần thứ nhất của quý, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh báo cáo tổng hợp kết quả đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của quý trước trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục II-12 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Việc đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử và việc cung cấp thông tin về hợp tác xã trong hệ thống thông tin của cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ được thực hiện theo lộ trình xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã, hướng dẫn việc chuyển đổi dữ liệu hợp tác xã để phục vụ công tác thông tin, quản lý thông tin về hợp tác xã và đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

**Điều 25. Chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã**

1. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 hàng năm, hợp tác xã báo cáo trung thực, đầy đủ, chính xác bằng văn bản tình hình hoạt động của hợp tác xã của năm trước đó với cơ quan đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-18.

2. Chậm nhất vào ngày 28 tháng 02 hàng năm, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã của năm trước đó trên địa bàn huyện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-13 gửi cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh.

3. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 hàng năm, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của năm trước đó trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục II-14 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh, cấp huyện tổng hợp, gửi các cơ quan có liên quan cùng cấp.

**Chương 4.**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 và thay thế Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15 tháng 12 năm 2005 hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

**Điều 27. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Trang điện tử Chính phủ, trang điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Công báo; - Lưu: Văn thư, HTX (3b). | **BỘ TRƯỞNG     Bùi Quang Vinh** |

**CÁCH GHI ĐỐI VỚI CÁC MẪU GIẤY**

1. Đối với đăng ký liên hiệp hợp tác xã thì trong các mẫu ghi liên hiệp hợp tác xã thay cho hợp tác xã và các cụm từ tương ứng.

2. Tên tiêu đề: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

a) Nếu là cấp tỉnh:

- Dòng trên ghi: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

- Dòng dưới ghi: PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

b) Nếu là cấp huyện:

- Dòng trên ghi: ỦY BAN NHÂN DÂN (tên huyện, quận, thị, thành phố thuộc tỉnh);

- Dòng dưới ghi: PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

**Phụ lục I-1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*…… ngày….. tháng….. năm….*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Đăng ký thành lập hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:............................................................... Giới tính:

Sinh ngày:……/ ……/ …… Dân tộc:……………… Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:……/ ……/ …… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND):*

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:…… / ……/ …… Ngày hết hạn:…… / ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………Website:

**Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập** *(đánh dấu X vào ô thích hợp)*

|  |  |
| --- | --- |
| Thành lập mới | □ |
| Thành lập trên cơ sở được tách hợp tác xã | □ |
| Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã | □ |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã | □ |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi | □ |

**2. Tên hợp tác xã:**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên hợp tác xã viết tắt *(nếu có)*:

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………Website:

**4. Tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh** (nếu có):

**5. Tên, địa chỉ, người đại diện văn phòng đại diện** (nếu có):

**6. Tên, địa chỉ, người đại diện địa điểm kinh doanh** (nếu có):

**7. Ngành, nghề kinh doanh** *(ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**8. Vốn điều lệ:**

Tổng số *(bằng số; VNĐ)*:

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:

- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:

- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

**9. Số lượng thành viên:**

**10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi** *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình hợp tác xã):*

a) Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã trên.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  HỢP TÁC XÃ** *(Ký và ghi họ tên)* |

**Phụ lục I-2**

**PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

**PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ**

I. Tổng quan về tình hình thị trường

II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã

III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ**

I. Giới thiệu tổng thể

1. Tên hợp tác xã

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Số lượng thành viên

5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh

II. Tổ chức: bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

**PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**

I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã

II. Phân tích cạnh tranh

III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã

IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã

1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên

2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)

3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

**PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH**

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

**PHẦN V. KẾT LUẬN**

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  HỢP TÁC XÃ** *(Ký và ghi họ tên)* |

**Phụ lục I-3**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**

**I. THÀNH VIÊN LÀ CÁ NHÂN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu | Vốn góp | | Thời điểm góp vốn | Chữ ký của thành viên | Ghi chú |
| Giá trị phần vốn góp1 *(bằng số; VNĐ)* | Tỷ lệ (%) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. THÀNH VIÊN LÀ PHÁP NHÂN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên pháp nhân | Địa chỉ trụ sở chính | Số Giấy chứng nhận đăng ký (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) | Vốn góp | | Thời điểm góp vốn | Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân | Ghi chú |
| Giá trị phần vốn góp2 *(bằng số; VND)* | Tỷ lệ (%) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…. tháng…. năm…* **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)3* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*1 Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.*

*2 Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.*

*3 Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.*

**Phụ lục I-4**

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC), BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân | Vốn góp | | Thời điểm góp vốn | Chức danh | Ghi chú |
| Giá trị phần vốn góp1 *(bằng số; VNĐ)* | Tỷ lệ (%) |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **A. Danh sách hội đồng quản trị** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B. Giám đốc (tổng giám đốc)** | | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C. Danh sách ban kiểm soát (kiểm soát viên)** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…. tháng…. năm…* **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)2* |

*1 Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên*

*2 Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu*

**Phụ lục I-5**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………. | *…… ngày….. tháng….. năm…..* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt** *(ghi bằng chữ in hoa):*

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:…….

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt *(nếu có)*:

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**

a) Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam)*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

b) Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện)*:

**4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Họ tên người đại diện *(ghi bằng chữ in hoa*):……………………………… Giới tính:

Sinh ngày: …… / ……/ …… Dân tộc:……………………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Ngày hết hạn: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-6**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………. | *…… ngày….. tháng….. năm…..* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Hợp tác xã đã lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh** *(ghi bằng chữ in hoa):*

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt *(nếu có)*:

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Do *(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp)*:……………. cấp ngày: …… / ……/ ……

**4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**

a) Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam)*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

b) Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện)*:

**5. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Họ tên người đại diện *(ghi bằng chữ in hoa*):……………………………… Giới tính:

Sinh ngày: …… / ……/ …… Dân tộc:……………………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Ngày hết hạn: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

I-7.1

**Phụ lục I-7**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………. | *…… ngày….. tháng….. năm…..* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã1 như sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung đăng ký thay đổi** | **Đánh dấu** |
| - Tên hợp tác xã | □ |
| - Địa chỉ trụ sở chính | □ |
| - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh | □ |
| - Vốn điều lệ | □ |
| - Người đại diện theo pháp luật | □ |
| - Tên chi nhánh | □ |
| - Địa chỉ chi nhánh | □ |
| - Người đại diện chi nhánh | □ |
| - Tên văn phòng đại diện | □ |
| - Địa chỉ văn phòng đại diện | □ |
| - Người đại diện văn phòng đại diện | □ |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi; lựa chọn và khai chi tiết nội dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-7.2 đến trang I.7.12 theo yêu cầu của hợp tác xã.

I-7.2

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

I-7.3

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

**Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.4

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi *(ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

I-7.5

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

**Người đại diện theo pháp luật dự kiến:**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa*):……………………………… Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …… / ……/ …… Dân tộc:……………………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Ngày hết hạn: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

I-7.6

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn điều lệ dự kiến thay đổi:

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:

- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:

- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

I-7.7

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH

**1. Đăng ký thay đổi tên của chi nhánh sau:** …………………………….

**2. Tên của chi nhánh sau khi thay đổi:**

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

Tên chi nhánh viết tắt dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

I-7.8

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH

**1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của chi nhánh sau:**

**2. Địa chỉ chi nhánh sau khi thay đổi:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.9

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

**1. Đăng ký thay đổi người đại diện của chi nhánh sau:**

**2. Người đại diện chi nhánh sau khi thay đổi:**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa*):……………………………… Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …… / ……/ …… Dân tộc:……………………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Ngày hết hạn: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

I-7.10

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

**1. Đăng ký thay đổi tên của văn phòng đại diện sau:** …………………………….

**2. Tên của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:**

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

Tên văn phòng đại diện viết tắt dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

I-7.11

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

**1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của văn phòng đại diện sau:**

**2. Địa chỉ của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở văn phòng đại diện của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-7.12

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

**1. Đăng ký thay đổi người đại diện của văn phòng đại diện sau:**

**2. Người đại diện của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa*):……………………………… Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …… / ……/ …… Dân tộc:……………………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Ngày hết hạn: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

I-7.13

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

I-8.1

**Phụ lục I-8**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

**Kính gửi:** Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh1 sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:

Địa chỉ chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:

Người đại diện chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:

**CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung đăng ký thay đổi** | **Đánh dấu** |
| - Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh | □ |
| - Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh | □ |
| - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh/nội dung hoạt động | □ |
| - Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh | □ |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi: lựa chọn và khai chi tiết nội dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-8.2 đến trang I-8.5 theo yêu cầu của hợp tác xã.

I-8.2

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt dự kiến thay đổi *(nếu có)*:

I-8.3

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

**Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự định chuyển đến:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh/văn phòng/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-8.4

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH/NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; *ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

Ghi nội dung hoạt động sau khi bổ sung hoặc thay đổi *(đối với văn phòng đại diện)*:

I-8.5

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

**Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự kiến:**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa*):……………………………… Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: …… / ……/ …… Dân tộc:……………………. Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Ngày hết hạn: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

I-8.6

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-9**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ………… | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**GIẤY THÔNG BÁO**

**Thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã1 như sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung thông báo thay đổi2** | **Đánh dấu** |
| - Điều lệ | □ |
| - Số lượng thành viên | □ |
| - Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên | □ |
| - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện | □ |
| - Tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh | □ |

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy thông báo này và các tài liệu được gửi kèm theo.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi.

2 Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào ô tương ứng với nội dung cần thông báo.

I-10.1

**Phụ lục I-10**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã1 như sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung thông báo** | **Đánh dấu** |
| - Góp vốn | □ |
| - Mua cổ phần | □ |
| - Thành lập doanh nghiệp | □ |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định thông báo; lựa chọn và khai chi tiết nội dung thông báo vào các mẫu tương ứng từ trang I-10.2 đến trang I-10.4.

I-10.2

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN**

**1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn**

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

**2. Số vốn góp:**

I-10.3

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN**

**1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần**

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

**2. Giá trị số cổ phần mua:**

I-10.4

**THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP**

**1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập**

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

**2. Số vốn điều lệ:**

I-10.5

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật hợp tác xã.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-11**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

*1. Đối với hợp tác xã tạm ngừng hoạt động:*

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm....

*2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:*

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*

Số, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Lý do tạm ngừng:

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-12**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh** *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động**

a) Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

b) Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện)*:

**4. Thông tin về người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa*):……………………………… Giới tính:

Sinh ngày: …… / ……/ …… Dân tộc:……………………. Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: …… / ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Hợp tác xã cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-13**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc giải thể hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:**

Quyết định giải thể số:……………………………. ngày…………./…………../

Lý do giải thể:

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-14**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.**

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-15**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau của hợp tác xã:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam)*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện)*:

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-16**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã với nội dung sau:**

**1. Cơ quan đăng ký hợp tác xã đã đăng ký**

Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã dự định đăng ký**

Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Lý do thay đổi:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-17**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục I-18**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *….. ngày….. tháng….. năm……* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình hoạt động của hợp tác xã năm……..**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm .... gồm những nội dung sau đây:**

**1. Thành viên và lao động**

**1.1. Đối với hợp tác xã**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Đơn vị tính** | **Thời điểm 31/12/20..** |
| **A** | **B** |  |  |
| **1. Tổng số thành viên (01=03+04+05+06+07)** | 01 | Thành viên |  |
| *Trong đó:* Số thành viên sử dụng dịch vụ của HTX | 02 | Thành viên |  |
| *Chia ra:* |  |  |  |
| - Thành viên là cá nhân Việt Nam | 03 | Thành viên |  |
| - Thành viên là cá nhân nước ngoài | 04 | Thành viên |  |
| - Thành viên là hộ | 05 | Thành viên |  |
| - Thành viên là pháp nhân | 06 | Thành viên |  |
| - Thành viên khác (nếu có) | 07 | Thành viên |  |
| **2. Tổng số lao động** | 08 | Người |  |
| *Trong đó:* Số lao động là thành viên |  | Người |  |

**1.2. Đối với liên hiệp hợp tác xã**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Đơn vị tính** | **Thời điểm 31/12/20..** |
| **A** | **B** |  |  |
| **1. Tổng số thành viên** | 01 | Hợp tác xã |  |
| *Trong đó:* Số thành viên sử dụng dịch vụ của LH HTX | 02 | Hợp tác xã |  |
| **2. Tổng số lao động** | 03 | Người |  |

**2. Sản phẩm, dịch vụ hợp tác xã cung ứng**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm, dịch vụ** | **Tổng doanh thu từ thành viên trong năm 20..** | **Tổng doanh thu từ thị trường trong năm 20..** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |

**3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Thời điểm 31/12/20..** |
| A | B |  |
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ *(01=02+03)*** | 01 |  |
| Chia ra: - Từ giao dịch với thành viên | 02 |  |
| - Cho thị trường (nếu có) | 03 |  |
| **2. Các khoản giảm trừ doanh thu** | 04 |  |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ *(05 = 01 - 04)*** | 05 |  |
| **4. Doanh thu hoạt động tài chính** | 06 |  |
| **5. Các khoản thu nhập khác** | 07 |  |
| **6. Tổng lợi nhuận trước thuế *(08 = 09 + 10 + 11)*** | 08 |  |
| 6.1. Lợi nhuận sản xuất, kinh doanh | 09 |  |
| 6.2. Lợi nhuận hoạt động tài chính | 10 |  |
| 6.3. Lợi nhuận từ hoạt động khác | 11 |  |
| **7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp** | 12 |  |
| **8. Lợi nhuận sau thuế *(13 = 08 - 12)*** | 13 |  |
| **9. Trích lập các quỹ** ***(14 = 15 + 16 + 17 + 18 + 19)*** | 14 |  |
| - Quỹ Đầu tư phát triển | 15 |  |
| - Quỹ Dự phòng tài chính | 16 |  |
| - Quỹ Phúc lợi | 17 |  |
| - Quỹ Khen thưởng | 18 |  |
| - Quỹ khác | 19 |  |
| **10. Tổng lợi nhuận chia cho thành viên *(20 = 21 + 22 + 23)*** | 20 |  |
| 10.1. Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ | 21 |  |
| 10.2. Chia lãi cho thành viên theo vốn góp | 22 |  |
| 10.3. Khác *(ghi rõ):* | 23 |  |
| **11. Thu nhập bình quân/tháng của 1 lao động làm việc thường xuyên** | 24 |  |

**4. Tài sản, vốn, hoạt động đầu tư của hợp tác xã**

**4.1. Tài sản của hợp tác xã**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chỉ tiêu** | | | **Mã số** | **Thời điểm 31/12/20..** |
| A | | | B |  |
| **1. Tài sản không chia (01=02+03+04+05)** | | | 01 |  |
|  | *Trong đó:* | - Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất | 02 |  |
|  |  | - Khoản được cấp, hỗ trợ không hoàn lại của nhà nước, khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia | 03 |  |
|  |  | - Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển đưa vào tài sản không chia | 04 |  |
|  |  | - Vốn, tài sản khác do điều lệ quy định là tài sản không chia | 05 |  |
| **2. Tổng cộng tài sản *(06 = 07+12)*** | | | 06 |  |
| **2.1. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn** | | | 07 |  |
|  | *Trong đó:* | - Các khoản phải thu (08 = 09 + 10 + 11) | 08 |  |
|  | *Chia ra:* | + Phải thu của khách hàng | 09 |  |
|  |  | + Phải thu của thành viên | 10 |  |
|  |  | + Các khoản phải thu khác | 11 |  |
| **2.2. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn (12 = 13+18)** | | | 12 |  |
| 2.2.1. Tài sản cố định (giá trị còn lại) *(13 = 14+ 15+ 16+ 17)* | | | 13 |  |
| - TSCĐ chuyển từ HTX, LH HTX cũ sang/chính quyền bàn giao | | | 14 |  |
| - TSCĐ do thành viên góp trực tiếp | | | 15 |  |
| - TSCĐ mua mới | | | 16 |  |
| - TSCĐ từ các nguồn khác | | | 17 |  |
| 2.2.2. Đầu tư dài hạn | | | 18 |  |
| **3. Tổng cộng nguồn vốn *(19=20+24)*** | | | 19 |  |
| ***3.1. Nợ phải trả (20=21+22+23)*** | | | 20 |  |
| 3.1.1. Vay của thành viên | | | 21 |  |
| 3.1.2. Vay các tổ chức tín dụng | | | 22 |  |
| 3.1.3. Vay khác và nợ phải trả khác | | | 23 |  |
| **3.2. Nguồn vốn chủ sở hữu** | | | 24 |  |

**4.2. Vốn của hợp tác xã**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Đơn vị tính** | **Thời điểm 31/12/20..** |
| A | B | C |  |
| 1. Tổng vốn điều lệ | 01 | Tr.đ |  |
| 2. Tổng số thành viên góp vốn điều lệ | 02 | Thành viên |  |
| 3. Mức góp vốn điều lệ tối thiểu quy định 1 thành viên | 03 | Tr.đ |  |
| 4. Mức góp vốn thấp nhất/thành viên | 04 | Tr.đ |  |
| 5. Mức góp vốn cao nhất/thành viên | 05 | Tr.đ |  |

**4.3. Hoạt động đầu tư của hợp tác xã**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Thời điểm 31/12/20..** |
| A | B |  |
| 1. Tổng số vốn góp vào doanh nghiệp | 01 |  |
| 2. Tổng giá trị cổ phần mua | 02 |  |
| 3. Tổng vốn điều lệ của doanh nghiệp trực thuộc | 03 |  |

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo này.

|  |  |
| --- | --- |
| Các giấy tờ gửi kèm: - ……………………. - ……………………. - ……………………. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-1**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. Mã hồ sơ:…………. | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**GIẤY BIÊN NHẬN**

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:……………………………………. Fax:

Email: ………………………………………… Website:

Ngày …./…./…. đã nhận của Ông/Bà

Giấy Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ chứng thực cá nhân khác) số:

Địa chỉ:

Điện thoại:……………………………………. Fax:

Email: ………………………………………… Website:

là

01 bộ hồ sơ số………………….. về việc

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

4.

Cơ quan đăng ký hợp tác xã hẹn Ông/Bà ngày …../…../……. liên hệ với Cơ quan đăng ký hợp tác xã để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NỘP** *(Ký và ghi họ tên)* | **NGƯỜI NHẬN** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-2**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc ………………………….**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | *(Tên hợp tác xã)*  Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)* |

Cơ quan đăng ký hợp tác xã

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Sau khi xem xét hồ sơ số……………… đã nhận ngày…… tháng…… năm……

của Ông/Bà:

về việc:

Cơ quan đăng ký hợp tác xã

vì lý do như sau:

Xin thông báo để Ông/Bà được biết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:…….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-3**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

**Số: ……………….**

*Đăng ký lần đầu, ngày……. tháng……. năm…….*

*Đăng ký thay đổi lần thứ:……, ngày……. tháng……. năm…….*

**1. Tên hợp tác xã**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên hợp tác xã viết tắt *(nếu có)*:

**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Vốn điều lệ** *(bằng số; VNĐ)*:

**5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:…………………………………………….. Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: ……/ ……/ …… Dân tộc: ………………………… Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……/ ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**6. Thông tin về chi nhánh**

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Người đại diện chi nhánh:

**7. Thông tin về văn phòng đại diện**

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Người đại diện văn phòng đại diện:

**8. Thông tin về địa điểm kinh doanh**

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Người đại diện địa điểm kinh doanh:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-4**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ****CHI NHÁNH CỦA HỢP TÁC XÃ**

**Số:** ……………

*Đăng ký lần đầu, ngày……. tháng……. năm…….*

*Đăng ký thay đổi lần thứ:……, ngày……. tháng……. năm…….*

**1. Tên chi nhánh** *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên chi nhánh viết tắt *(nếu có)*:

**2. Địa chỉ:**

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Thông tin về người đại diện**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:…………………………………………….. Giới tính:

Sinh ngày: ……/ ……/ …… Dân tộc: ………………………… Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……/ ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**5. Hợp tác xã chủ quản**

Tên hợp tác xã:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ hợp tác xã:

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-5**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ****VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA HỢP TÁC XÃ**

**Số: ……………….**

*Đăng ký lần đầu, ngày……. tháng……. năm…….*

*Đăng ký thay đổi lần thứ:…… ngày……. tháng……. năm…….*

**1. Tên văn phòng đại diện** *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên văn phòng đại diện viết tắt *(nếu có)*:

**2. Địa chỉ:**

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**3. Nội dung hoạt động:**

**4. Thông tin về người đại diện**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:…………………………………………….. Giới tính:

Sinh ngày: ……/ ……/ …… Dân tộc: ………………………… Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……/ ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**5. Hợp tác xã chủ quản**

Tên hợp tác xã:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ hợp tác xã:

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-6**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ****ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

**Số:** ……………..

*Đăng ký lần đầu, ngày……. tháng……. năm…….*

*Đăng ký thay đổi lần thứ:…… ngày……. tháng……. năm…….*

**1. Tên địa điểm kinh doanh** *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt *(nếu có)*:

**2. Địa chỉ:**

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|  |  |  |
|  |  |  |

**4. Thông tin về người đại diện**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:…………………………………………….. Giới tính:

Sinh ngày: ……/ ……/ …… Dân tộc: ………………………… Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ……/ ……/ …… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**5. Hợp tác xã chủ quản**

Tên hợp tác xã:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ hợp tác xã:

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-7**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**Xác nhận:**

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên, địa chỉ hợp tác xã; - …………; - Lưu: …… | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-8**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc giải thể của hợp tác xã**

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

**Xác nhận về việc giải thể của hợp tác xã sau:**

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Người đại diện theo pháp luật:

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, địa chỉ chi nhánh:

Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên, địa chỉ hợp tác xã; - ………; - Lưu: …….. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-9**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | *(Tên hợp tác xã)* Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)* |

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Căn cứ: Điều 56 Luật Hợp tác xã

Cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo nội dung vi phạm của hợp tác xã như sau:

*Nội dung phần cuối của Thông báo vi phạm được ghi tương ứng với từng loại vi phạm như sau:*

*1. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hợp tác xã thì ghi:*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo để hợp tác xã được biết và sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

*2. Đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 56 Luật Hợp tác xã thì ghi:*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến trụ sở của cơ quan để giải trình trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này. Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong Thông báo này mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp thì Cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Cục thuế tỉnh/thành phố; - Chi cục quản lý thị trường; - …… - Lưu:……… | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-10**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Thông báo số ;

Căn cứ

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Do: ………………………………………………. Cấp ngày: ………/ ………/

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Do Ông/Bà: *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:

Sinh ngày: ………/ ………/ ………Dân tộc:…………………. Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: ………/ ………/ ……… Ngày hết hạn: ………/ ………/ ……… Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:…………………………………………….. Fax:

Email: …………………………………………………. Website:

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, địa chỉ chi nhánh:

Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ………/ ………/ ……… các Ông/Bà và………………….. có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên, địa chỉ hợp tác xã bị thu hồi GCNĐKHTX; - Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính; - Chi cục quản lý thị trường tỉnh, thành phố nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính; - …………….; - Lưu: ………. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-11**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN… **PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………… | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh...

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Tháng... năm...** | **Từ đầu năm đến hết tháng... năm...** |
| 1 | Số lượng GCNĐK hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực |  |  |
| 2 | Số lượng GCNĐK chi nhánh của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực |  |  |
| 3 | Số lượng GCNĐK văn phòng đại diện của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực |  |  |
| 4 | Số lượng GCNĐK địa điểm kinh doanh của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực |  |  |
| 5 | Cấp đăng ký thay đổi (số lượt) |  |  |
|  | - Tên hợp tác xã |  |  |
|  | - Địa chỉ trụ sở chính |  |  |
|  | - Ngành, nghề kinh doanh |  |  |
|  | - Vốn điều lệ |  |  |
|  | - Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã |  |  |
|  | - Tên chi nhánh |  |  |
|  | - Địa chỉ chi nhánh |  |  |
|  | - Người đại diện chi nhánh |  |  |
|  | - Tên văn phòng đại diện |  |  |
|  | - Địa chỉ văn phòng đại diện |  |  |
|  | - Người đại diện văn phòng đại diện |  |  |
| 6 | Thu hồi Giấy CNĐK hợp tác xã |  |  |
| 7 | Thu hồi Giấy CNĐK chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã |  |  |
| 8 | Xóa tên |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:……. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-12**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ... **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………… | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Quý... năm... | | | Từ đầu năm đến hết quý... năm... | | |
| Liên hiệp hợp tác xã | Hợp tác xã | Tổng số 3=1+2 | Liên hiệp hợp tác xã | Hợp tác xã | Tổng số 6=4+5 |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Số lượng GCNĐK HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Số lượng GCNĐK chi nhánh của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Số lượng GCNĐK văn phòng đại diện của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Số lượng GCNĐK địa điểm kinh doanh của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Cấp đăng ký thay đổi (số lượt) |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |  |  |  |  |  |  |
|  | - Địa chỉ trụ sở chính |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ngành, nghề kinh doanh |  |  |  |  |  |  |
|  | - Vốn điều lệ |  |  |  |  |  |  |
|  | - Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tên chi nhánh của HTX, LHHTX |  |  |  |  |  |  |
|  | - Địa chỉ chi nhánh của HTX, LHHTX |  |  |  |  |  |  |
|  | - Người đại diện chi nhánh của HTX, LHHTX |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tên văn phòng đại diện của HTX, LHHTX |  |  |  |  |  |  |
|  | - Địa chỉ văn phòng đại diện của HTX, LHHTX |  |  |  |  |  |  |
|  | - Người đại diện văn phòng đại diện của HTX, LHHTX |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thu hồi Giấy CNĐK hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thu hồi Giấy CNĐK của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LHHTX |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Xóa tên |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:……. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-13**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN… **PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………… | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình hoạt động của hợp tác xã năm….**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh...

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Đơn vị tính** | **Năm …..** |
| 1 | Tổng số hợp tác xã (01=02+03+04+05+06) | 01 | HTX |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp | 02 | HTX |  |
|  | - Hợp tác xã phi nông nghiệp | 03 | HTX |  |
|  | - Hợp tác xã tín dụng | 04 | HTX |  |
|  | - Hợp tác xã tạo việc làm | 05 | HTX |  |
|  | - Hợp tác xã khác | 06 | HTX |  |
| 2 | Tổng số hợp tác xã thành lập mới | 07 | HTX |  |
| 3 | Tổng số hợp tác xã giải thể | 08 | HTX |  |
| 4 | Tổng số thành viên (09=10+11+ 12+13+14) | 09 | thành viên |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp | 10 | thành viên |  |
|  | - Hợp tác xã phi nông nghiệp | 11 | thành viên |  |
|  | - Hợp tác xã tín dụng | 12 | thành viên |  |
|  | - Hợp tác xã tạo việc làm | 13 | thành viên |  |
|  | - Hợp tác xã khác | 14 | thành viên |  |
| 5 | Tổng số lao động | 15 | người |  |
|  | *Trong đó:* Số lao động là thành viên hợp tác xã | 16 | người |  |
| 6 | Tổng vốn điều lệ | 17 | triệu đồng |  |
| 7 | Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 18 | triệu đồng |  |
|  | *Trong đó:* Doanh thu từ giao dịch với thành viên | 19 | triệu đồng |  |
| 8 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 20 | triệu đồng |  |
| 9 | Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (21=22+23+24) | 21 | triệu đồng |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ | 22 | triệu đồng |  |
|  | - Chia lãi cho thành viên theo vốn góp | 23 | triệu đồng |  |
|  | - Khác | 24 | triệu đồng |  |
| 10 | Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong hợp tác xã | 25 | triệu đồng |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:……. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục II-14**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………… | *……, ngày…. tháng…. năm…..* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã năm ....**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Đơn vị tính** | **Năm** |
|  | **A. HỢP TÁC XÃ** |  |  |  |
| 1 | Tổng số hợp tác xã (01=02+03+04+05+06) | 01 | HTX |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp | 02 | HTX |  |
|  | - Hợp tác xã phi nông nghiệp | 03 | HTX |  |
|  | - Hợp tác xã tín dụng | 04 | HTX |  |
|  | - Hợp tác xã tạo việc làm | 05 | HTX |  |
|  | - Hợp tác xã khác | 06 | HTX |  |
| 2 | Tổng số hợp tác xã thành lập mới | 07 | HTX |  |
| 3 | Tổng số hợp tác xã giải thể | 08 | HTX |  |
| 4 | Tổng số thành viên (09=10+11+12+13+14) | 09 | thành viên |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp | 10 | thành viên |  |
|  | - Hợp tác xã phi nông nghiệp | 11 | thành viên |  |
|  | - Hợp tác xã tín dụng | 12 | thành viên |  |
|  | - Hợp tác xã tạo việc làm | 13 | thành viên |  |
|  | - Hợp tác xã khác | 14 | thành viên |  |
| 5 | Tổng số lao động | 15 | người |  |
|  | *Trong đó:* Số lao động là thành viên hợp tác xã | 16 | người |  |
| 6 | Tổng vốn điều lệ | 17 | triệu đồng |  |
| 7 | Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 18 | triệu đồng |  |
|  | *Trong đó:* Doanh thu từ giao dịch với thành viên | 19 | triệu đồng |  |
| 8 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 20 | triệu đồng |  |
| 9 | Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (21=22+23+24) | 21 | triệu đồng |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ | 22 | triệu đồng |  |
|  | - Chia lãi cho thành viên theo vốn góp | 23 | triệu đồng |  |
|  | - Khác | 24 | triệu đồng |  |
| 10 | Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong hợp tác xã | 25 | triệu đồng |  |
|  | **B. LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ** |  |  |  |
| 11 | Tổng số liên hiệp hợp tác xã (26=27+28+29+30) | 26 | LHHTX |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp | 27 | LHHTX |  |
|  | - Liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp | 28 | LHHTX |  |
|  | - Liên hiệp hợp tác xã tín dụng | 29 | LHHTX |  |
|  | - Liên hiệp hợp tác xã khác | 30 | LHHTX |  |
| 12 | Tổng số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới | 31 | LHHTX |  |
| 13 | Tổng số liên hiệp hợp tác xã giải thể | 32 | LHHTX |  |
| 14 | Tổng số thành viên (33=34+35+36+37) | 33 | thành viên |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp | 34 | thành viên |  |
|  | - Liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp | 35 | thành viên |  |
|  | - Liên hiệp hợp tác xã tín dụng | 36 | thành viên |  |
|  | - Liên hiệp hợp tác xã khác | 37 | thành viên |  |
| 15 | Tổng số lao động | 38 | người |  |
| 16 | Tổng vốn điều lệ | 39 | triệu đồng |  |
| 17 | Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 40 | triệu đồng |  |
|  | *Trong đó:* Doanh thu từ giao dịch với thành viên | 41 | triệu đồng |  |
| 18 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 42 | triệu đồng |  |
| 19 | Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (43=44+45+46) | 43 | triệu đồng |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
|  | - Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ | 44 | triệu đồng |  |
|  | - Chia lãi cho thành viên theo vốn góp | 45 | triệu đồng |  |
|  | - Khác | 46 | triệu đồng |  |
| 20 | Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong liên hiệp hợp tác xã | 47 | triệu đồng |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:……. | **TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục III-1**

**DANH MỤC CHỮ CÁI SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN HỢP TÁC XÃ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chữ in hoa** | **Chữ in thường** | **Chữ in hoa** | **Chữ in thường** |
| A | a | N | n |
| Ă | ă | O | o |
| Â | â | Ơ | ơ |
| B | b | Ô | ô |
| c | c | P | p |
| D | d | Q | q |
| Đ | đ | R | r |
| E | e | S | s |
| Ê | ê | T | t |
| F | f | U | u |
| G | g | Ư | ư |
| H | h | V | v |
| I | i | W | w |
| J | j | X | x |
| K | k | Y | y |
| L | l | Z | z |
| M | m |  |  |

**Phụ lục III-2**

**MÃ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **Mã** | | **Đơn vị hành chính** | **Mã** | |
| **Số** | **Số** |  | **Số** | **Số** |
| 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 3 |
| **Thành phố Hà Nội**  (12 quận, 1 thị xã, 17 huyện)  Quận Ba Đình  Quận Tây Hồ  Quận Hoàn Kiếm  Quận Hai Bà Trưng  Quận Đống Đa  Quận Thanh Xuân  Quận Cầu Giấy  Huyện Sóc Sơn  Huyện Đông Anh  Huyện Gia Lâm  Quận Bắc Từ Liêm  Huyện Thanh Trì  Quận Hoàng Mai  Quận Long Biên  Quận Hà Đông  Thị Xã Sơn Tây  Huyện Ba Vì  Huyện Phúc Thọ  Huyện Đan Phượng  Huyện Thạch Thất  Huyện Hoài Đức  Huyện Quốc Oai  Huyện Chương Mỹ  Huyện Thanh Oai  Huyện Thường Tín  Huyện Mỹ Đức  Huyện Ứng Hòa  Huyện Phú Xuyên  Huyện Mê Linh  Quận Nam Từ Liêm | **01**  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01  01 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15  16  17  18  19  20  21  22  23  24  25  26  27  28  29  30 | **Thành phố Hải Phòng**  (7 quận, 8 huyện)  Quận Hồng Bàng  Quận Ngô Quyền  Quận Lê Chân  Quận Kiến An  Quận Đồ Sơn  Huyện Thủy Nguyên  Huyện An Dương  Huyện An Lão  Huyện Kiến Thụy  Huyện Tiên Lãng  Huyện Vĩnh Bảo  Huyện Cát Hải  Huyện Bạch Long Vĩ  Quận Dương Kinh  Quận Hải An | **02**  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02  02 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15 |
| **Tỉnh Hải Dương**  (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện) | **04** |  |
| Thành phố Hải Dương  Thị xã Chí Linh  Huyện Nam Sách  Huyện Thanh Hà  Huyện Kinh Môn  Huyện Kim Thành  Huyện Gia Lộc  Huyện Tứ Kỳ  Huyện Cẩm Giàng  Huyện Bình Giang  Huyện Thanh Miện  Huyện Ninh Giang | 04  04  04  04  04  04  04  04  04  04  04  04 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12 |
| **Tỉnh Hưng Yên**  (1 thành phố, 9 huyện)  Thành phố Hưng Yên  Huyện Văn Lâm  Huyện Mỹ Hào  Huyện Yên Mỹ  Huyện Văn Giang  Huyện Khoái Châu  Huyện Ân Thi  Huyện Kim Động  Huyện Phù Cừ  Huyện Tiên Lữ | **05**  05  05  05  05  05  05  05  05  05  05 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10 | **Tỉnh Hà Nam**  (1 thành phố, 5 huyện)  Thành phố Phủ Lý  Huyện Duy Tiên  Huyện Kim Bảng  Huyện Lý Nhân  Huyện Thanh Liêm  Huyện Bình Lục | **06**  06  06  06  06  06  06 | 01  02  03  04  05  06 |
| **Tỉnh Nam Định**  (1 thành phố, 9 huyện)  Thành phố Nam Định  Huyện Vụ Bản  Huyện Mỹ Mộc  Huyện Ý Yên  Huyện Nam Trực  Huyện Trực Ninh  Huyện Xuân Trường  Huyện Giao Thủy  Huyện Nghĩa Hưng  Huyện Hải Hậu | **07**  07  07  07  07  07  07  07  07  07  07 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10 | **Tỉnh Thái Bình**  (1 thành phố, 7 huyện)  Thành phố Thái Bình  Huyện Quỳnh Phụ  Huyện Hưng Hà  Huyện Thái Thụy  Huyện Đông Hưng  Huyện Vũ Thư  Huyện Kiến Xương  Huyện Tiền Hải | **08**  08  08  08  08  08  08  08  08 | 01  02  03  04  05  06  07  08 |
| **Tỉnh Ninh Bình**  (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)  Thành phố Ninh Bình  Thị xã Tam Điệp  Huyện Nho Quan  Huyện Gia Viễn  Huyện Hoa Lư  Huyện Yên Mô  Huyện Yên Khánh  Huyện Kim Sơn | **09**  09  09  09  09  09  09  09  09 | 01  02  03  04  05  06  07  08 | **Tỉnh Hà Giang**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Hà Giang  Huyện Đồng Văn  Huyện Mèo Vạc  Huyện Yên Minh  Huyện Quản Bạ  Huyện Bắc Mê  Huyện Hoàng Su Phì  Huyện Vị Xuyên  Huyện Xín Mần  Huyện Bắc Quang  Huyện Quang Bình | **10**  10  10  10  10  10  10  10  10  10  10  10 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11 |
| **Tỉnh Cao Bằng**  (1 thành phố, 12 huyện)  Thành phố Cao Bằng  Huyện Bảo Lạc  Huyện Bảo Lâm  Huyện Hà Quảng  Huyện Thông Nông  Huyện Trà Lĩnh  Huyện Trùng Khánh  Huyện Nguyên Bình  Huyện Hòa An  Huyện Quảng Uyên  Huyện Hạ Lang  Huyện Thạch An  Huyện Phục Hòa | **11**  11  11  11  11  11  11  11  11  11  11  11  11  11 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13 | **Tỉnh Lào Cai**  (1 thành phố, 8 huyện)  Thành phố Lào Cai  Huyện Mường Khương  Huyện Bát Xát  Huyện Si Ma Cai  Huyện Bắc Hà  Huyện Bảo Thắng  Huyện Sa Pa  Huyện Bảo Yên  Huyện Văn Bàn | **12**  12  12  12  12  12  12  12  12  12 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 |
| **Tỉnh Bắc Kạn**  (1 thị xã, 7 huyện)  Thị xã Bắc Kạn  Huyện Ba Bể  Huyện Ngân Sơn  Huyện Chợ Đồn  Huyện Na Rì  Huyện Bạch Thông  Huyện Chợ Mới  Huyện Pắc Nặm | **13**  13  13  13  13  13  13  13  13 | 01  02  03  04  05  06  07  08 | **Tỉnh Lạng Sơn**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Lạng Sơn  Huyện Tràng Định  Huyện Văn Lãng  Huyện Bình Gia  Huyện Bắc Sơn  Huyện Văn Quan  Huyện Cao Lộc  Huyện Lộc Bình  Huyện Chi Lăng  Huyện Đình Lập  Huyện Hữu Lũng | **14**  14  14  14  14  14  14  14  14  14  14  14 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11 |
| **Tỉnh Tuyên Quang**  (1 thành phố, 6 huyện)  Thành phố Tuyên Quang  Huyện Nà Hang  Huyện Chiêm Hóa  Huyện Hàm Yên  Huyện Yên Sơn  Huyện Sơn Dương  Huyện Lâm Bình | **15**  15  15  15  15  15  15  15 | 01  02  03  04  05  06  07 | **Tỉnh Yên Bái**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Yên Bái  Thị xã Nghĩa Lộ  Huyện Lục Yên  Huyện Văn Yên  Huyện Mù Cang Chải  Huyện Trấn Yên  Huyện Yên Bình  Huyện Văn Chấn  Huyện Trạm Tấu | **16**  16  16  16  16  16  16  16  16  16 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 |
| **Tỉnh Thái Nguyên**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện) | **17** |  | **Tỉnh Phú Thọ**  (1 thành phố, 1 thị xã, 11 huyện) | **18** |  |
| Thành phố Thái Nguyên  Thị xã Sông Công  Huyện Định Hóa  Huyện Võ Nhai  Huyện Phú Lương  Huyện Đồng Hỷ  Huyện Đại Từ  Huyện Phú Bình  Huyện Phổ Yên | 17  17  17  17  17  17  17  17  17 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 | Thành phố Việt Trì  Thị xã Phú Thọ  Huyện Đoan Hùng  Huyện Hạ Hòa  Huyện Thanh Ba  Huyện Phù Ninh  Huyện Lâm Thao  Huyện Cẩm Khê  Huyện Yên Lập  Huyện Tam Nông  Huyện Thanh Thủy  Huyện Thanh Sơn  Huyện Tân Sơn | 18  18  18  18  18  18  18  18  18  18  18  18  18 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13 |
| **Tỉnh Vĩnh Phúc**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Vĩnh Yên  Huyện Lập Thạch  Huyện Tam Dương  Huyện Bình Xuyên  Huyện Vĩnh Tường  Huyện Yên Lạc  Thị xã Phúc Yên  Huyện Tam Đảo  Huyện Sông Lô | **19**  19  19  19  19  19  19  19  19  19 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 | **Tỉnh Bắc Giang**  (1 thành phố, 9 huyện)  Thành phố Bắc Giang  Huyện Yên Thế  Huyện Tân Yên  Huyện Lục Ngạn  Huyện Hiệp Hòa  Huyện Lạng Giang  Huyện Sơn Động  Huyện Lục Nam  Huyện Việt Yên  Huyện Yên Dũng | **20**  20  20  20  20  20  20  20  20  20  20 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10 |
| **Tỉnh Bắc Ninh**  (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)  Thành phố Bắc Ninh  Huyện Yên Phong  Huyện Quế Võ  Huyện Tiên Du  Thị xã Từ Sơn  Huyện Thuận Thành  Huyện Lương Tài  Huyện Gia Bình | **21**  21  21  21  21  21  21  21  21 | 01  02  03  04  05  06  07  08 | **Tỉnh Quảng Ninh**  (4 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Hạ Long  Thành phố Cẩm Phả  Thành phố Uông Bí  Thành phố Móng Cái  Huyện Bình Liêu  Huyện Hải Hà  Huyện Đầm Hà  Huyện Tiên Yên  Huyện Ba Chẽ  Huyện Vân Đồn  Huyện Hoành Bồ  Huyện Đông Triều  Huyện Cô Tô  Huyện Yên Hưng | **22**  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22  22 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14 |
| **Tỉnh Lai Châu**  (1 thị xã, 6 huyện)  Huyện Tam Đường  Huyện Phong Thổ  Huyện Mường Tè  Huyện Sìn Hồ  Huyện Than Uyên  Thị xã Lai Châu  Huyện Tân Uyên | **23**  23  23  23  23  23  23  23 | 01  02  03  04  05  06  07 | **Tỉnh Sơn La**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Sơn La  Huyện Quỳnh Nhai  Huyện Mường La  Huyện Thuận Châu  Huyện Bắc Yên  Huyện Phù Yên  Huyện Mai Sơn  Huyện Sông Mã  Huyện Yên Châu  Huyện Mộc Châu  Huyện Sốp Cộp | **24**  24  24  24  24  24  24  24  24  24  24  24 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11 |
| **Tỉnh Hòa Bình**  (1 thành phố, 10 huyện) | **25** |  | **Tỉnh Thanh Hóa**  (1 thành phố, 2 thị xã, 24 huyện) | **26** |  |
| Thành phố Hòa Bình  Huyện Đà Bắc  Huyện Mai Châu  Huyện Kỳ Sơn  Huyện Lương Sơn  Huyện Kim Bôi  Huyện Tân Lạc  Huyện Lạc Sơn  Huyện Lạc Thủy  Huyện Yên Thủy  Huyện Cao Phong | 25  25  25  25  25  25  25  25  25  25  25 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11 | Thành phố Thanh Hóa  Thị xã Bỉm Sơn  Thị xã Sầm Sơn  Huyện Mường Lát  Huyện Quan Hóa  Huyện Quan Sơn  Huyện Bá Thước  Huyện Cẩm Thủy  Huyện Lang Chánh  Huyện Thạch Thành  Huyện Ngọc Lạc  Huyện Thường Xuân  Huyện Như Xuân  Huyện Như Thanh  Huyện Vĩnh Lộc  Huyện Hà Trung  Huyện Nga Sơn  Huyện Yên Định  Huyện Thọ Xuân  Huyện Hậu Lộc  Huyện Thiệu Hóa  Huyện Hoằng Hóa  Huyện Đông Sơn  Huyện Triệu Sơn  Huyện Quảng Xương  Huyện Nông Cống  Huyện Tĩnh Gia | 26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26  26 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15  16  17  18  19  20  21  22  23  24  25  26  27 |
| **Tỉnh Nghệ An**  (1 thành phố, 2 thị xã, 17 huyện) | **27** |  | **Tỉnh Hà Tĩnh**  (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện) | **28** |  |
| Thành phố Vinh  Thị xã Cửa Lò  Huyện Quế Phong  Huyện Quỳ Châu  Huyện Kỳ Sơn  Huyện Quỳ Hợp  Huyện Nghĩa Đàn  Huyện Tương Dương  Huyện Quỳnh Lưu  Huyện Tân Kỳ  Huyện Con Cuông  Huyện Yên Thành  Huyện Diễn Châu  Huyện An Sơn  Huyện Đô Lương  Huyện Thanh Chương  Huyện Nghi Lộc  Huyện Nam Đàn  Huyện Hưng Nguyên  Thị xã Thái Hòa | 27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27  27 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15  16  17  18  19  20 | Thành phố Hà Tĩnh  Thị xã Hồng Lĩnh  Huyện Nghi Xuân  Huyện Đức Thọ  Huyện Hương Sơn  Huyện Vũ Quang  Huyện Can Lộc  Huyện Thạch Hà  Huyện Cẩm Xuyên  Huyện Hương Khê  Huyện Kỳ Anh  Huyện Lộc Hà | 28  28  28  28  28  28  28  28  28  28  28  28 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12 |
| **Tỉnh Quảng Bình**  (1 thành phố, 6 huyện)  Thành phố Đồng Hới  Huyện Tuyên Hóa  Huyện Minh Hóa  Huyện Quảng Trạch  Huyện Bố Trạch  Huyện Quảng Ninh  Huyện Lệ Thủy | **29**  29  29  29  29  29  29  29 | 01  02  03  04  05  06  07 | **Tỉnh Quảng Trị**  (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)  Thành phố Đông Hà  Thị xã Quảng Trị  Huyện Vĩnh Linh  Huyện Gio Linh  Huyện Cam Lộ  Huyện Triệu Phong  Huyện Hải Lăng  Huyện Hướng Hóa  Huyện Đa Krông  Huyện đảo Cồn Cỏ | **30**  30  30  30  30  30  30  30  30  30  30 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10 |
| **Tỉnh Thừa Thiên - Huế**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Huế  Huyện Phong Điền  Huyện Quảng Điền  Huyện Hương Trà  Huyện Phú Vang  Huyện Hương Thủy  Huyện Phú Lộc  Huyện A Lưới  Huyện Nam Đông | **31**  31  31  31  31  31  31  31  31  31 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 | **Thành phố Đà Nẵng**  ( 6 quận, 2 huyện)  Quận Hải Châu  Quận Thanh Khê  Quận Sơn Trà  Quận Ngũ Hành Sơn  Quận Liên Chiểu  Huyện Hòa Vang  Huyện đảo Hoàng Sa  Quận Cẩm Lệ | **32**  32  32  32  32  32  32  32  32 | 01  02  03  04  05  06  07  08 |
| **Tỉnh Quảng Nam**  (2 thành phố, 16 huyện)  Thành phố Tam Kỳ  Thành phố Hội An  Huyện Đông Giang  Huyện Đại Lộc  Huyện Điện Bàn  Huyện Duy Xuyên  Huyện Nam Giang  Huyện Thăng Bình  Huyện Quế Sơn  Huyện Hiệp Đức  Huyện Tiên Phước  Huyện Phước Sơn  Huyện Núi Thành  Huyện Bắc Trà My  Huyện Tây Giang  Huyện Nam Trà My  Huyện Phú Ninh  Huyện Nông Sơn | **33**  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33  33 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15  16  17  18 | **Tỉnh Quảng Ngãi**  (1 thành phố, 13 huyện)  Thành phố Quảng Ngãi  Huyện Lý Sơn  Huyện Bình Sơn  Huyện Trà Bồng  Huyện Sơn Tịnh  Huyện Sơn Tây  Huyện Sơn Hà  Huyện Tư Nghĩa  Huyện Nghĩa Hành  Huyện Minh Long  Huyện Mộ Đức  Huyện Đức Phổ  Huyện Ba Tơ  Huyện Tây Trà | **34**  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34  34 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14 |
| **Tỉnh Bình Định**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Quy Nhơn  Huyện An Lão  Huyện Hoài Nhơn  Huyện Hoài Ân  Huyện Phù Mỹ  Huyện Vĩnh Thạnh  Huyện Phù Cát  Huyện Tây Sơn  Huyện An Nhơn  Huyện Tuy Phước  Huyện Vân Canh | **35**  35  35  35  35  35  35  35  35  35  35  35 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11 | **Tỉnh Phú Yên**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Tuy Hòa  Huyện Đồng Xuân  Thị xã Sông Cầu  Huyện Tuy An  Huyện Sơn Hòa  Huyện Tây Hòa  Huyện Sông Hinh  Huyện Phú Hòa  Huyện Đông Hòa | **36**  36  36  36  36  36  36  36  36  36 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 |
| **Tỉnh Khánh Hòa**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Nha Trang  Thị xã Cam Ranh  Huyện Vạn Ninh  Huyện Ninh Hòa  Huyện Diên Khánh  Huyện Khánh Vĩnh  Huyện Khánh Sơn  Huyện Trường Sa  Huyện Cam Lâm | **37**  37  37  37  37  37  37  37  37  37 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 | **Tỉnh Kon Tum**  (1 thành phố, 8 huyện)  Thành phố Kon Tum  Huyện Đắk Glei  Huyện Ngọc Hồi  Huyện Đắk Tô  Huyện Kon Plông  Huyện Đắk Hà  Huyện Sa Thầy  Huyện Kon Rẫy  Huyện Tu Mơ Rông | **38**  38  38  38  38  38  38  38  38  38 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 |
| **Tỉnh Gia Lai**  (1 thành phố, 2 thị xã, 14 huyện) | **39** |  | **Tỉnh Đắk Lắk**  (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện) | **40** |  |
| Thành phố Pleiku  Huyện Kbang  Huyện ĐắkĐoa  Huyện Mang Yang  Huyện ChưPăh  Huyện laGrai  Thị xã An Khê  Huyện KôngChro  Huyện Đức Cơ  Huyện ChưPrông  Huyện Chư Sê  Thị xã AyunPa  Huyện KrôngPa  Huyện IaPa  Huyện ĐắkPơ  Huyện Phú Thiện  Huyện ChưPưh | 39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39  39 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15  16  17 | Thành phố Buôn Ma Thuột  Huyện Ea H'leo  Huyện Ea Súp  Huyện Krông Năng  Huyện Krông Búk  Huyện Buôn Đôn  Huyện Cư M’gar  Huyện Ea Kar  Huyện M’Đrắk  Huyện Krông Pắk  Huyện Krông A Na  Huyện Krông Bông  Huyện Cư Kuin  Thị xã Buôn Hồ  Huyện Lắk | 40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40  40 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15 |
| **TP Hồ Chí Minh**  (19 quận, 5 huyện)  Quận 1  Quận 2  Quận 3  Quận 4  Quận 5  Quận 6  Quận 7  Quận 8  Quận 9  Quận 10  Quận 11  Quận 12  Quận Gò Vấp  Quận Tân Bình  Quận Bình Thạnh  Quận Phú Nhuận  Quận Thủ Đức  Huyện Củ Chi  Huyện Hóc Môn  Huyện Bình Chánh  Huyện Nhà Bè  Huyện Cần Giờ  Quận Bình Tân  Quận Tân Phú | **41**  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41  41 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15  16  17  18  19  20  21  22  23  24 | **Tỉnh Lâm Đồng**  (2 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Đà Lạt  Thành phố Bảo Lộc  Huyện Lạc Dương  Huyện Đơn Dương  Huyện Đức Trọng  Huyện Lâm Hà  Huyện Bảo Lâm  Huyện Di Linh  Huyện Đạ Huoai  Huyện Đạ Tẻh  Huyện Cát Tiên  Huyện Đam Rông | **42**  42  42  42  42  42  42  42  42  42  42  42  42 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12 |
| **Tỉnh Ninh Thuận**  (1 thị xã, 6 huyện)  Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm  Huyện Ninh Sơn  Huyện Bác Ái  Huyện Ninh Hải  Huyện Ninh Phước  Huyện Thuận Bắc  Huyện Thuận Nam | **43**  43  43  43  43  43  43  43 | 01  02  03  04  05  06  07 | **Tỉnh Bình Phước**  (3 thị xã, 7 huyện)  Thị xã Đồng Xoài  Huyện Đồng Phú  Huyện Bù Gia Mập  Huyện Lộc Ninh  Huyện Bù Đăng  Huyện Hớn Quản  Thị xã Phước Long  Huyện Chơn Thành  Thị xã Bình Long  Huyện Bù Đốp | **44**  44  44  44  44  44  44  44  44  44  44 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10 |
| **Tỉnh Tây Ninh**  (1 thị xã, 8 huyện)  Thị xã Tây Ninh  Huyện Tân Biên  Huyện Tân Châu  Huyện Dương Minh Châu  Huyện Châu Thành  Huyện Hòa Thành  Huyện Bến Cầu  Huyện Gò Dầu  Huyện Trảng Bàng | **45**  45  45  45  45  45  45  45  45  45 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 | **Tỉnh Bình Dương**  (1 thành phố, 1 thị xã, 5 huyện)  Thành phố Thủ Dầu Một  Huyện Dầu Tiếng  Huyện Bến Cát  Huyện Phú Giáo  Huyện Tân Uyên  Huyện Thuận An  Thị xã Dĩ An | **46**  46  46  46  46  46  46  46 | 01  02  03  04  05  06  07 |
| **Tỉnh Đồng Nai**  (1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện)  Thành phố Biên Hòa  Huyện Tân Phú  Huyện Định Quán  Huyện Vĩnh Cửu  Huyện Thống Nhất  Thị xã Long Khánh  Huyện Xuân Lộc  Huyện Long Thành  Huyện Nhơn Trạch  Huyện Trảng Bom  Huyện Cẩm Mỹ | **47**  47  47  47  47  47  47  47  47  47  47  47 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11 | **Tỉnh Bình Thuận**  (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)  Thành phố Phan Thiết  Huyện Tuy Phong  Huyện Bắc Bình  Huyện Hàm Thuận Bắc  Huyện Hàm Thuận Nam  Huyện Tánh Linh  Huyện Hàm Tân  Huyện Đức Linh  Huyện Phú Quý  Thị xã La-gi | **48**  48  48  48  48  48  48  48  48  48  48 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10 |
| **Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**  (2 thành phố, 6 huyện)  Thành phố Vũng Tàu  Thành phố Bà Rịa  Huyện Châu Đức  Huyện Xuyên Mộc  Huyện Tân Thành  Huyện Long Điền  Huyện Côn Đảo  Huyện Đất Đỏ | **49**  49  49  49  49  49  49  49  49 | 01  02  03  04  05  06  07  08 | **Tỉnh Long An**  (1 thành phố, 13 huyện)  Thành phố Tân An  Huyện Tân Hưng  Huyện Vĩnh Hưng  Huyện Mộc Hóa  Huyện Tân Thạnh  Huyện Thạnh Hóa  Huyện Đức Huệ  Huyện Đức Hòa  Huyện Bến Lức  Huyện Thủ Thừa  Huyện Châu Thành  Huyện Tân Trụ  Huyện Cần Đước  Huyện Cần Giuộc | **50**  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50  50 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14 |
| **Tỉnh Đồng Tháp**  (1 thành phố, 2 thị xã, 9 huyện)  Thành phố Cao Lãnh  Thị xã Sa Đéc  Huyện Tân Hồng  Huyện Hồng Ngự  Huyện Tam Nông  Huyện Thanh Bình  Huyện Tháp Mười  Huyện Cao Lãnh  Huyện Lấp Vò  Huyện Lai Vung  Huyện Châu Thành  Thị xã Hồng Ngự | **51**  51  51  51  51  51  51  51  51  51  51  51  51 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12 | **Tỉnh An Giang**  (1 thành phố, 2 thị xã, 8 huyện)  Thành phố Long Xuyên  Thị xã Châu Đốc  Huyện An Phú  Thị xã Tân Châu  Huyện Phú Tân  Huyện Châu Phú  Huyện Tịnh Biên  Huyện Tri Tôn  Huyện Chợ Mới  Huyện Châu Thành  Huyện Thoại Sơn | **52**  52  52  52  52  52  52  52  52  52  52  52 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11 |
| **Tỉnh Tiền Giang**  (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)  Thành phố Mỹ Tho  Thị xã Gò Công  Huyện Tân Phước  Huyện Châu Thành  Huyện Cai Lậy  Huyện Chợ Gạo  Huyện Cái Bè  Huyện Gò Công Tây  Huyện Gò Công Đông  Huyện Tân Phú Đông | **53**  53  53  53  53  53  53  53  53  53  53 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10 | **Tỉnh Vĩnh Long**  (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)  Thành phố Vĩnh Long  Huyện Long Hồ  Huyện Mang Thít  Thị xã Bình Minh  Huyện Tam Bình  Huyện Trà Ôn  Huyện Vũng Liêm  Huyện Bình Tân | **54**  54  54  54  54  54  54  54  54 | 01  02  03  04  05  06  07  08 |
| **Tỉnh Bến Tre**  (1 thành phố, 8 huyện) | **55** |  | **Tỉnh Kiên Giang**  (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện) | **56** |  |
| Thành phố Bến Tre  Huyện Châu Thành  Huyện Chợ Lách  Huyện Mỏ Cày Bắc  Huyện Giồng Trôm  Huyện Bình Đại  Huyện Ba Tri  Huyện Thạnh Phú  Huyện Mỏ Cày Nam | 55  55  55  55  55  55  55  55  55 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 | Thành phố Rạch Giá  Thị xã Hà Tiên  Huyện Kiên Lương  Huyện Hòn Đất  Huyện Tân Hiệp  Huyện Châu Thành  Huyện Giồng Giềng  Huyện Gò Quao  Huyện An Biên  Huyện An Minh  Huyện Vĩnh Thuận  Huyện Phú Quốc  Huyện Kiên Hải  Huyện U Minh Thượng  Huyện Giang Thành | 56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56  56 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11  12  13  14  15 |
| **Thành phố Cần Thơ**  (5 quận, 4 huyện)  Quận Ninh Kiều  Quận Bình Thủy  Quận Cái Răng  Quận Ô Môn  Quận Thốt Nốt  Huyện Cờ Đỏ  Huyện Vĩnh Thạnh  Huyện Phong Điền  Huyện Thới Lai | **57**  57  57  57  57  57  57  57  57  57 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 | **Tỉnh Trà Vinh**  (1 thành phố, 7 huyện)  Thành phố Trà Vinh  Huyện Càng Long  Huyện Châu Thành  Huyện Cầu Kè  Huyện Tiểu Cần  Huyện Cầu Ngang  Huyện Trà Cú  Huyện Duyên Hải | **58**  58  58  58  58  58  58  58  58 | 01  02  03  04  05  06  07  08 |
| **Tỉnh Sóc Trăng**  (1 thành phố, 10 huyện)  Thành phố Sóc Trăng  Huyện Kế Sách  Huyện Long Phú  Huyện Mỹ Tú  Huyện Mỹ Xuyên  Huyện Thạnh Trị  Huyện Vĩnh Châu  Huyện Cù Lao Dung  Huyện Ngã Năm  Huyện Châu Thành  Huyện Trần Đề | **59**  59  59  59  59  59  59  59  59  59  59  59 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09  10  11 | **Tỉnh Bạc Liêu**  (1 thành phố, 6 huyện)  Thành phố Bạc Liêu  Huyện Phước Long  Huyện Hồng Dân  Huyện Vĩnh Lợi  Huyện Giá Rai  Huyện Đông Hải  Huyện Hòa Bình | **60**  60  60  60  60  60  60  60 | 01  02  03  04  05  06  07 |
| **Tỉnh Cà Mau**  (1 thành phố, 8 huyện)  Thành phố Cà Mau  Huyện Thới Bình  Huyện U Minh  Huyện Trần Văn Thời  Huyện Cái Nước  Huyện Đầm Dơi  Huyện Ngọc Hiển  Huyện Năm Căn  Huyện Phú Tân | **61**  61  61  61  61  61  61  61  61  61 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 | **Tỉnh Điện Biên**  (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)  Thành phố Điện Biên Phủ  Thị xã Mường Lay  Huyện Mường Nhé  Huyện Tủa Chùa  Huyện Tuần Giáo  Huyện Điện Biên  Huyện Điện Biên Đông  Huyện Mường Chà  Huyện Mường Ảng | **62**  62  62  62  62  62  62  62  62  62 | 01  02  03  04  05  06  07  08  09 |
| **Tỉnh Đắc Nông**  (1 thị xã, 7 huyện)  Huyện Cư Jút  Huyện Đắc Mil  Huyện Đắc Song  Huyện Đắc GLong  Huyện Đắc RLấp  Huyện Krông Nô  Thị xã Gia Nghĩa  Huyện Tuy Đức | **63**  63  63  63  63  63  63  63  63 | 01  02  03  04  05  06  07  08 | **Tỉnh Hậu Giang**  (1 thành phố, 1 thị xã, 5 huyện)  Thành phố Vị Thanh  Huyện Vị Thủy  Huyện Long Mỹ  Huyện Châu Thành A  Huyện Châu Thành  Huyện Phụng Hiệp  Thị xã Ngã Bảy | **64**  64  64  64  64  64  64  64 | 01  02  03  04  05  06  07 |

**Phụ lục III-3**

**MẪU BÌA GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ---------------**  **GIẤY CHỨNG NHẬN**  **ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ** |

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ---------------**  **GIẤY CHỨNG NHẬN**  **ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH HỢP TÁC XÃ** |

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ---------------**  **GIẤY CHỨNG NHẬN**  **ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HỢP TÁC XÃ** |

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ---------------**  **GIẤY CHỨNG NHẬN**  **ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH HỢP TÁC XÃ** |

**Phụ lục III-4**

**PHÔNG (FONT) CHỮ, CỠ CHỮ, KIỂU CHỮ SỬ DỤNG TRONG CÁC MẪU GIẤY**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành phần thể thức** | **Phông (font) chữ** | **Cỡ chữ** | **Kiểu chữ** | **Ví dụ** |
| 1 | Quốc hiệu | Times New Roman  Times New Roman | 13  13 | Đậm và in hoa  Đậm và in thường | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| 2 | Tên cơ quan cấp | Times New Roman  Times New Roman | 13  13 | Thường và in hoa  Đậm và in hoa | SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH** |
| 3 | Tên Giấy chứng nhận | Times New Roman | 14 | Đậm và in hoa | **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ** |
| 4 | Các nội dung ghi sẵn trên mẫu | Times New Roman | 14 | Thường | Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt:……………….  Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:…. |
| 5 | Các nội dung của từng hợp tác xã | Times New Roman  Times New Roman | 14  14 | Đậm và in hoa  Thường | **HỢP TÁC XÃ XÂY DỰNG TIẾN THÀNH**  Địa chỉ trụ sở chính: Số 195b, phố Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội |
| Times New Roman | 14 | In hoa | Họ và tên: NGUYỄN VĂN A |
| 6 | Thành viên hợp tác xã | Times New Roman | 14 | In hoa | NGUYỄN VĂN A |
| 7 | Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | Times New Roman | 14 | In hoa | CHI NHÁNH HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI  HUY HOÀNG TẠI NGHỆ AN |
| Times New Roman | 14 | Thường | Số 2, đường Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 8 | Thể thức đề ký | Times New Roman | 13 | Đậm và in hoa | **TRƯỞNG PHÒNG** |
| 9 | Họ tên người ký | Times New Roman | 13 | Đậm và in thường | **Nguyễn Thùy Linh** |
| 10 | Ngày cấp | Times New Roman | 14 | Thường và in nghiêng | *Đăng ký lần đầu, ngày….. tháng…. năm….*  *Đăng ký thay đổi lần thứ: ….. ngày…. tháng….. năm….* |